

Số: 1471/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 24 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa nước C1,  
xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước; số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai; số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Xét đề nghị Ban quản lý Khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum tại Tờ trình số 97/TTr-BQL ngày 23 tháng 10 năm 2019, Tờ trình số 114/TTr-BQL ngày 27 tháng 11 năm 2019 và ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 258/TTr-SNN ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc thẩm định Quy trình vận hành hồ chứa nước C1, xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (kèm theo Báo cáo thẩm định số 543/BCKQTĐ-SNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa nước C1, xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, Giám đốc Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

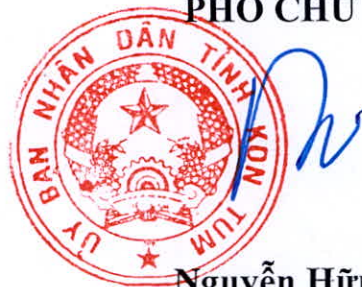
**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh<sup>(NN)</sup>;
- Lưu: VT, NN5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**



**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC C1  
XÃ HÀ MÒN, HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Cơ sở pháp lý:**

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi số ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
9. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
10. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

**Điều 2. Nguyên tắc vận hành:**

Việc vận hành Hồ chứa nước C1 phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng lũ với tần suất lũ thiết kế là P=1,0% tương ứng với mực nước cao nhất là +584,78m, tần suất lũ kiểm tra là P=0,2% tương ứng với mực nước là +585,05m
2. Phát huy hiệu quả của công trình: Đảm bảo cung cấp nước tưới cho diện tích sản xuất thực tế của công trình là 30ha cây công nghiệp, và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.



3. Trong mùa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành Hồ chứa C1 theo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của UBND tỉnh Kon Tum và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Điều 3. Thông số chính của hồ chứa

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình theo QCVN 04-05: 2012: Cấp II
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tần suất lũ thiết kế:  $P = 1,0\%$  ứng với  $Q_{1,5\%} = 19,97\text{m}^3/\text{s}$ ,  $H_{tk} = 1,27\text{m}$
- Tần suất lũ kiểm tra  $P = 0,2\%$  ứng với  $Q_{1,5\%} = 26,93\text{m}^3/\text{s}$ ,  $H_{tk} = 1,55\text{m}$
- Mức đảm bảo tưới  $P = 85\%$
- Thuộc loại hồ vừa theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

TT	Thông số hồ chứa	Đơn vị	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	$\text{km}^2$	2,2
2	Mực nước dâng bình thường	m	583,50
3	Mực nước lũ thiết kế	m	584,78
4	Mực nước lũ kiểm tra	m	585,05
5	Mực nước chết (MNC)	m	565,30
6	Dung tích toàn bộ ( $W_{tb}$ )	Triệu $\text{m}^3$	2,24
7	Dung tích hữu ích ( $W_{hi}$ )	Triệu $\text{m}^3$	2,19
8	Dung tích chết ( $W_c$ )	Triệu $\text{m}^3$	0,050

### Điều 4. Quy định phân loại lũ và mùa lũ, mùa kiệt

1. Phân loại lũ:

TT	Phân loại lũ	Giá trị ( $\text{m}^3/\text{s}$ )
1	Lũ nhỏ là lũ có lưu lượng lũ thấp lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} < 7,08$
2	Lũ vừa là lũ có lưu lượng lũ bằng lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} = 7,08$
3	Lũ lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ trung bình nhiều năm nhưng nhỏ hơn lưu lượng lũ thiết kế	$7,08 < Q_{lũ} < 19,97$
4	Lũ đặc biệt lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ thiết kế	$Q_{lũ} > 19,97$

2. Mùa lũ, mùa kiệt trong Quy trình này được quy định như sau:

- Mùa lũ bắt đầu từ 01/7 đến 30/11 hàng năm.
- Mùa kiệt bắt đầu từ 01/12 đến 30/6 năm sau.



## CHƯƠNG II VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA LŨ

### **Điều 5. Nguyên tắc vận hành Hồ chứa C1 trong mùa lũ**

Trước mùa lũ hàng năm, Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải thực hiện:

a) Tổ chức kiểm tra hồ chứa trước mùa lũ đúng với Quy định hiện hành, phát hiện, xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ (*thời gian thực hiện kiểm tra công trình vào tháng 4 trước lũ và tháng 12 sau lũ theo quy định tại mục 4.2.2-TCVN 8414:2010*).

b) Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn trước mùa lũ hàng năm và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể làm cơ sở vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

### **Điều 6. Mục nước hồ trong mùa lũ**

1. Mục nước hồ ở cuối các tháng trong mùa lũ bằng cao trình ngưỡng tràn tự do và bằng mực nước dâng bình thường 583.50m.

2. Mục nước lớn nhất thiết kế (MNLNTK) 584.78m.

3. Mục nước lớn nhất kiểm tra (MNLNKT) 585.05m.

### **Điều 7. Vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường**

1. Căn cứ vào biểu đồ điều phối và điều kiện thời tiết hàng năm, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình linh hoạt điều tiết mực nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*) để bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt cho vùng hạ du hồ chứa.

2. Khi mực nước hồ đến giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 6, Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải:

- Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng các hạng mục công trình đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình vận hành hồ chứa nước để có đánh giá do lũ qua tràn ảnh hưởng đến hạ du.

- Trực lũ 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về diễn biến mực nước hồ chứa để kịp thời nắm bắt, lên phương án đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du công trình.

- Thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà, Ủy ban nhân dân xã Hà Mòn để phổ biến đến nhân dân vùng hạ du



và các cơ quan liên quan về việc dự kiến lưu lượng lũ qua tràn và mực nước dâng ở hạ lưu nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản vùng hạ du đập khi lũ qua tràn.

### **Điều 8. Vận hành xả lũ trong trường hợp khẩn cấp**

Trong mùa lũ, khi mực nước hồ đạt cao trình +584,78m (mực nước lũ thiết kế) và đang lên, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà biết để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản của người dân vùng hạ du hồ chứa. Đồng thời, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

### **Điều 9. Thông báo mực nước lũ qua tràn tháo lũ**

1. Trước khi lũ qua tràn đến mức phải cảnh báo ở khoản 2 Điều này, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; hình thức thông báo bằng Fax, email, điện thoại...

- Thông báo bằng loa phóng thanh, còi và các phương tiện thông tin truyền thôn để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du hồ chứa;

- Thời gian thông báo ít nhất trước 15 phút;

2. Chế độ cảnh báo khi lũ qua tràn:

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ vừa (cột nước qua tràn  $H_{tr}=0,63m$ ; mực nước hồ đến cao trình +584,13m): Kéo 2 hồi còi mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ thiết kế (cột nước qua tràn  $H_{tr}=1,27m$ ; mực nước hồ đến cao trình MNLNTK +584,78m): Kéo 3 hồi còi, mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây, đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân vùng hạ du đập dọc theo tuyến thoát lũ.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ kiểm tra (cột nước qua tràn  $H_{tr}=1,55m$ ; mực nước hồ đến cao trình MNLNKT +585,05m): Kéo 4 hồi còi, mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chuẩn bị phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp cho khu vực nằm phía hạ du đập được cấp có thẩm phê duyệt.

- Hiệu lệnh trong tình huống khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập: Kéo 5 hồi còi, mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 5 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập cần phải tổ chức thực hiện ngay phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



## CHƯƠNG III VẬN HÀNH TRONG MÙA KIẾT

### Điều 10. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Trước mùa kiệt hàng năm, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án cấp nước trong mùa kiệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết.

2. Chế độ cấp nước trong mùa kiệt: Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*).

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/12	31/01	28/02	31/3	30/4
Mực nước thấp nhất (m)	580,27	578,74	576,21	572,70	565,30
Dung tích hồ (triệu m <sup>3</sup> )	0,508	0,342	0,146	0,017	0,008
Cột nước so với đáy cống (m)	15,77	14,24	11,71	8,2	0,80

### Điều 11. Vận hành cấp nước

1. Trường hợp bình thường:

Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình đảm bảo cung cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo kế hoạch cấp nước.

2. Trường hợp đặc biệt:

- Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

- Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết +565,30m, mà các hộ dùng nước vẫn có nhu cầu. Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình căn cứ nhu cầu dùng nước thực tế đó, lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện.

## CHƯƠNG IV VẬN HÀNH KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ

**Điều 12.** Khi công trình đầu mối của hồ chứa (*đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước*) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.



**Điều 13.** Khi kênh dẫn vào tràn xả lũ, cửa cống lấy nước bị sạt lở, bồi lấp hoặc có sự cố không vận hành được, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải triển khai ngay biện pháp xử lý, khắc phục và đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

**Điều 14.** Trường hợp xuất hiện các sự cố khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập, đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Hà để chỉ đạo việc triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa và phương án khắc phục hậu quả. Thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết để có biện pháp sử dụng nước trong thời gian khắc phục sự cố.

## **CHƯƠNG V**

### **QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin**

Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình có trách nhiệm theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin số liệu theo quy định của Quy trình này, cụ thể:

1. Tổ chức quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, lưu lượng lũ qua tràn (*Lưu lượng lũ, thời gian lũ, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...*).

2. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Hà và cập nhật lên trang thông tin điện tử [thuyloivietnam.vn](http://thuyloivietnam.vn) theo quy định.

3. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện gửi qua địa chỉ Email

#### **Điều 16. Chế độ quan trắc**

Thời gian quan trắc mực nước hồ như sau:

- Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;
- Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn: 1 giờ 01 lần;
- Khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế: 1 giờ 04 lần.



## **CHƯƠNG VI**

### **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum**

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa C1; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 8, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Quy trình; công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa HỒ C1 trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xử lý hoặc ủy quyền xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này theo thẩm quyền.

- Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

#### **Điều 18. Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà và Ủy ban nhân dân xã Hà Môn**

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố.

- Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình để phòng, chống lụt, bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình HỒ chứa C1.

#### **Điều 19. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh**

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành Hồ chứa C1.

- Quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp. Báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

#### **Điều 20. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Hà**

- Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này và tham gia bảo vệ an toàn công trình HỒ chứa C1.

#### **Điều 21. Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn**

- Chỉ đạo, tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thực hiện đúng quy trình, đặc biệt là việc vận hành tràn xả lũ.

- Báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành HỒ chứa C1 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.



- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình này theo thẩm quyền.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình theo thẩm quyền quy định.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của Hồ chứa C1 nêu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này.

### **Điều 22. Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình.**

- Nghiêm chỉnh vận hành theo đúng quy trình và theo quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước.

- Hoạt động vận hành Hồ chứa C1 phải ghi chép vào nhật ký vận hành.

- Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp, quy trình vận hành không còn phù hợp, có trách nhiệm rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy trình vận hành theo quy định, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, chỉ đạo.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

- Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh khi xảy ra tình huống như quy định Điều 8, Điều 13, Điều 14 của Quy trình này.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình.

- Lập biên bản xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình này.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành có liên quan giải quyết và phối hợp giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy trình này.

### **Điều 23. Các tổ chức cá nhân hưởng lợi**

- Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình này.

- Hàng năm, phải ký hợp đồng với đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình để đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.



- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình Hồ chứa C1.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Quy trình có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện Quy trình nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung Đơn vị vận hành, khai thác và bảo vệ công trình tổng hợp; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**



**PHỤ LỤC KÈM THEO**  
**DỰ THẢO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA C1**  
**HUYỆN ĐẮK HÀ - TỈNH KON TUM**

**PHỤ LỤC I**  
**GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC C1**

**1. Tên công trình:** Công trình Hồ chứa nước C1

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Hà Môn, huyện Đăk Hà.

**3. Nhiệm vụ công trình:**

- Theo thiết kế được duyệt trước đây nhiệm vụ công trình tưới cho 30ha cây công nghiệp, và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.

- Theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Kon Tum, diện tích phục vụ sản xuất thực tế của công trình là 37,28ha cây công nghiệp.

**2. Thành phần công trình:** Đập đất; Tràn xả lũ; Cống lấy nước;

**3. Cấp công trình:**

- Cấp công trình đầu mối : Cấp II
- Tần suất đảm bảo tưới : P = 85%
- Tần suất lũ thiết kế : P = 1,0%
- Tần suất lũ kiểm tra : P = 0,2%

**4. Các thông số kỹ thuật chính của công trình:**

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
I	Diện tích lưu vực	km <sup>2</sup>	2,2
I	Cấp công trình		II
-	Tần suất thiết kế	%	1,0
-	Tần suất kiểm tra	%	0,2
III	Hồ chứa		
1	Cao trình mực nước dâng bình thường	m	583,50
2	Cao trình mực nước lũ thiết kế	m	584,78
3	Cao trình mực nước lũ kiểm tra	m	585,05
3	Cao trình mực nước chết	m	565,30
4	Dung tích toàn bộ	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	2,24
5	Dung tích hiệu dụng	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	2,19



6	Dung tích chết	$10^6 \text{ m}^3$	0,050
7	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	25,6
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	ha	27,83
9	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	ha	2,59
<b>IV</b>	<b>Đập chính:</b>		
1	Cao trình đỉnh đập	m	586,0
3	Chiều cao đập lớn nhất	m	22
4	Chiều rộng đỉnh đập	m	5
5	Chiều dài đỉnh đập	m	191
6	Hệ số mái thượng lưu		$3,25 \div 3,75$
7	Hệ số mái hạ lưu		$3,0 \div 3,5$
8	Cao trình cơ thượng lưu	m	571,30
9	Cao trình cơ hạ lưu	m	573,30
10	Bề rộng cơ	m	3,0
<b>V</b>	<b>Tràn xả lũ:</b>		
1	Lưu lượng lũ thiết kế (Qtk)	$\text{m}^3/\text{s}$	19,97
2	Cột nước tràn thiết kế (Htk)	m	1,27
3	Lưu lượng lũ kiểm tra (Qkt)	$\text{m}^3/\text{s}$	26,93
4	Cột nước tràn kiểm tra (Htr)	m	1,55
5	Cao trình ngưỡng	m	583,5
6	Chiều rộng tràn	m	10
7	Chiều dài dốc nước	m	78
8	Chiều rộng dốc nước	m	10
9	Độ dốc dốc nước	%	10
10	Chiều dài mũi phun	m	3
11	Độ dốc mũi phun	%	20
<b>VI</b>	<b>Cống lấy nước:</b>		
1	Khẩu diện	m	$0,8 \times 1,2$
2	Cao trình đáy cửa vào	m	564,5
3	Cao trình đáy cửa ra	m	563,7
10	Lưu lượng thiết kế	$\text{m}^3/\text{s}$	0,558
5	Chiều dài cống	m	155,6



**PHỤ LỤC II:**  
**NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH**  
**HỒ CHỨA C1 HUYỆN ĐẮK HÀ - TỈNH KON TUM**

**1. Các văn bản pháp quy:**

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi số ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
9. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
10. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

**2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn:**

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong tính toán thiết kế lập quy trình vận hành hồ chứa C1.
- Số liệu trạm khí tượng Đăk Tô, trạm thủy văn Kon Tum sông Đăk Bla..
- Các tài liệu quan trắc mực nước hồ, ...
- Tài liệu đo đạc địa hình

**3. Mục tiêu và yêu cầu:**

- Lập quy trình vận hành Hồ chứa C1 để làm cơ sở quản lý, vận hành, khai thác công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ, khi công trình có sự cố và đảm bảo đáp ứng tốt các nhiệm vụ của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế  $P = 1,0\%$  và lũ kiểm tra  $P = 0,2\%$ .

- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ thiết kế được duyệt

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA**  
**KÈM THEO DỰ THẢO QUY TRÌNH VẬN HÀNH**

Phụ lục III-1: Biểu đồ điều phối hồ chứa nước.

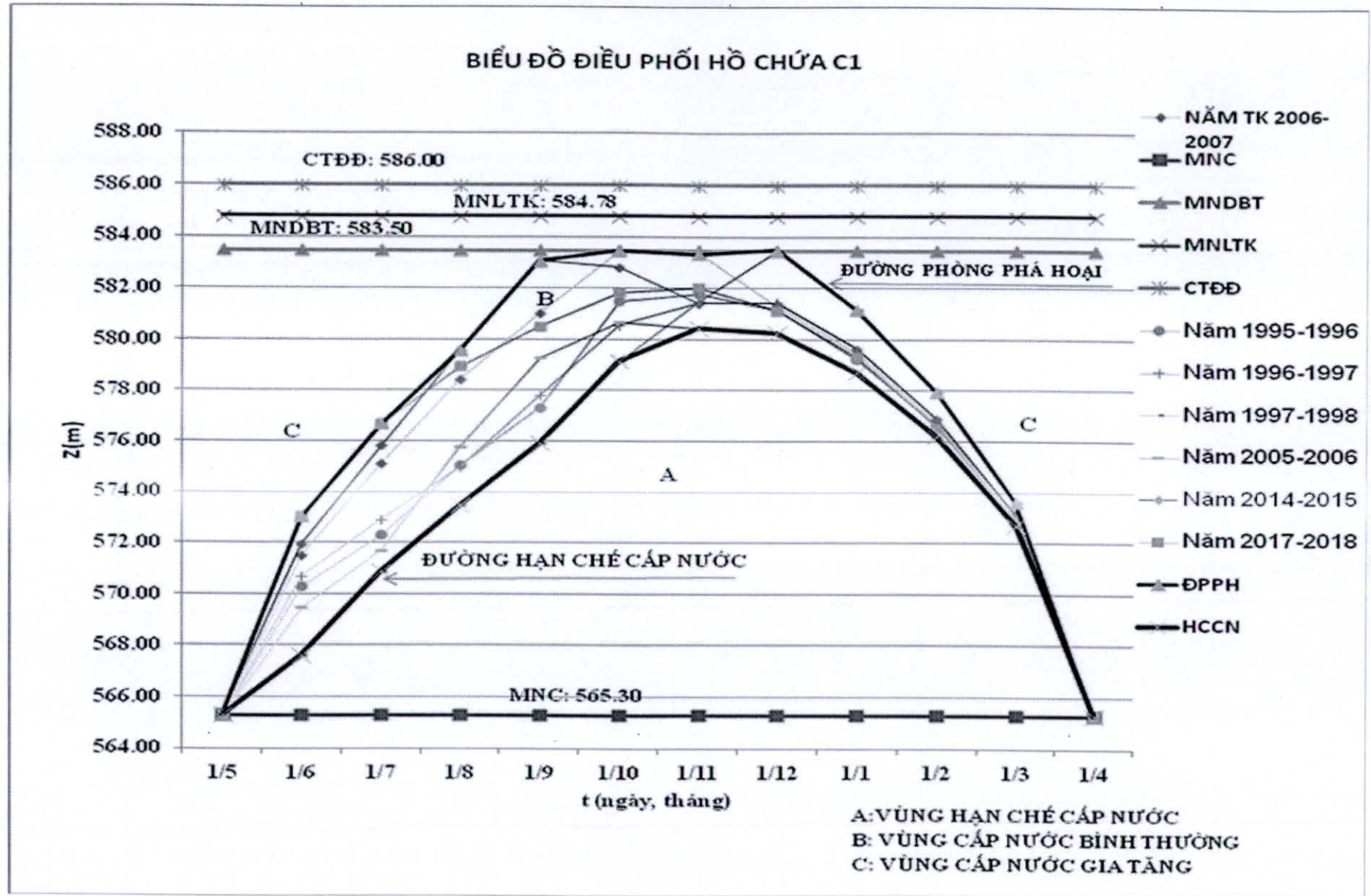
Phụ lục III-2: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, dung tích hồ.

Phụ lục III-3: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng tràn xả lũ.

Phụ lục III-4: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng cống lấy nước.



**PHỤ LỤC III-1**  
**BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI HỒ CHỨA NƯỚC**





**BẢNG TUNG ĐỘ MỰC NƯỚC HỒ CÁC NĂM CHỌN**

t (Ngày/tháng)	1/5	1/6	1/7	1/8	1/9	1/10	1/11	1/12	1/1	1/2	1/3	1/4
Đường phòng phá hoại	565.30	573.02	576.69	579.60	583.07	583.46	583.32	583.49	581.16	577.93	573.63	565.30
NĂM TK 2006-2007	565.30	571.52	575.10	578.44	581.04	583.46	583.32	581.29	579.45	576.70	573.08	565.30
Năm 1995-1996	565.30	570.29	572.34	575.07	577.34	581.51	581.81	581.16	579.25	576.65	572.84	565.30
Năm 1996-1997	565.30	570.71	572.89	574.98	577.81	580.55	581.44	581.44	579.61	576.90	573.07	565.30
Năm 1997-1998	565.30	567.63	570.86	573.46	575.91	579.16	581.51	583.49	581.16	577.93	573.63	565.30
Năm 2005-2006	565.30	569.49	571.72	575.80	579.29	580.69	580.44	580.27	578.74	576.21	572.70	565.30
Năm 2014-2015	565.30	571.95	575.81	579.60	583.07	582.82	581.42	581.42	579.65	576.87	573.17	565.30
Năm 2017-2018	565.30	573.02	576.69	578.95	580.51	581.82	582.03	581.14	579.32	576.57	572.92	565.30
MNC	565.30	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.39	565.30
MNDBT	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5	583.5
MNLTK	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78	584.78
CTDD	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00	586.00
Đường hạn chế cấp nước	565.30	567.63	570.86	573.46	575.91	579.16	580.44	580.27	578.74	576.21	572.70	565.30



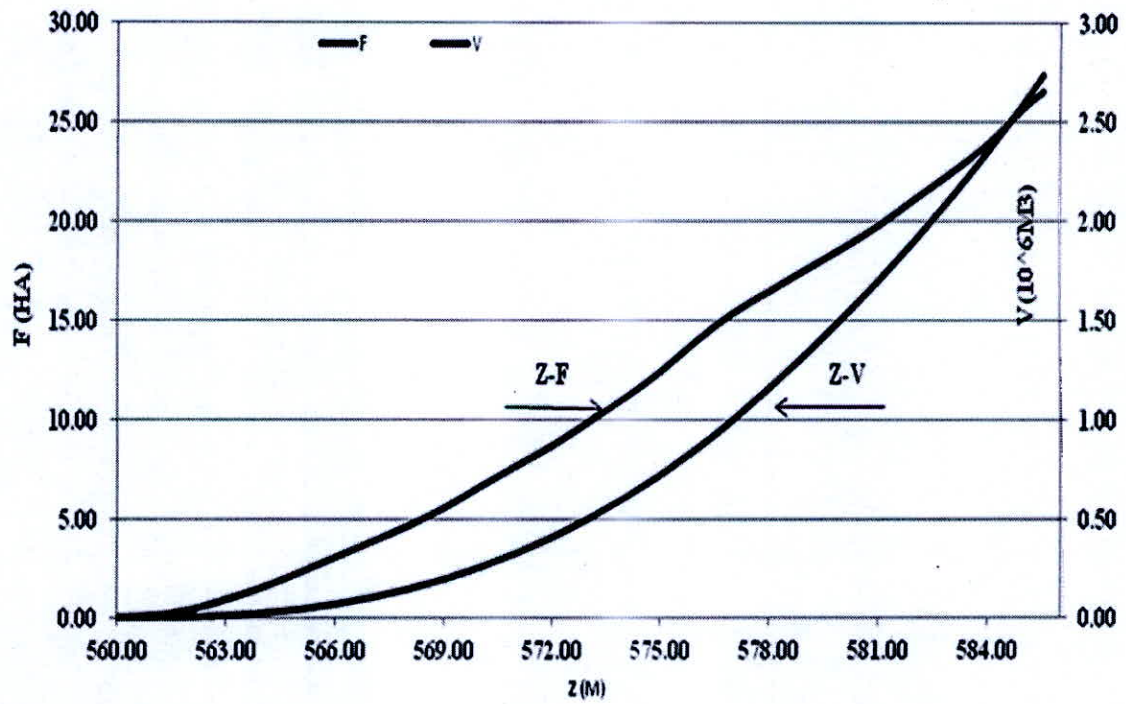
**PHỤ LỤC III-2**  
**BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH**

**1/. Bảng tra quan hệ (z~V) và (z~F)**

Z(m)	F(104m <sup>2</sup> )	V(106m <sup>3</sup> )
560.00	0.00	0.00
561.00	0.09	0.00
562.00	0.35	0.00
563.00	0.90	0.01
564.00	1.51	0.02
565.00	2.26	0.04
566.00	3.05	0.07
567.00	3.84	0.10
568.00	4.65	0.14
569.00	5.56	0.19
570.00	6.63	0.26
571.00	7.68	0.33
572.00	8.71	0.41
573.00	9.88	0.50
574.00	11.07	0.61
575.00	12.42	0.72
576.00	13.97	0.86
577.00	15.36	1.00
578.00	16.47	1.16
579.00	17.56	1.33
580.00	18.62	1.51
581.00	19.79	1.70
582.00	21.14	1.91
583.00	22.47	2.13
584.00	23.92	2.36
585.00	25.76	2.61
585.50	26.51	2.74

**2/. Biểu đồ quan hệ (Z~F~V):**

### ĐƯỜNG QUAN HỆ Z-F-V

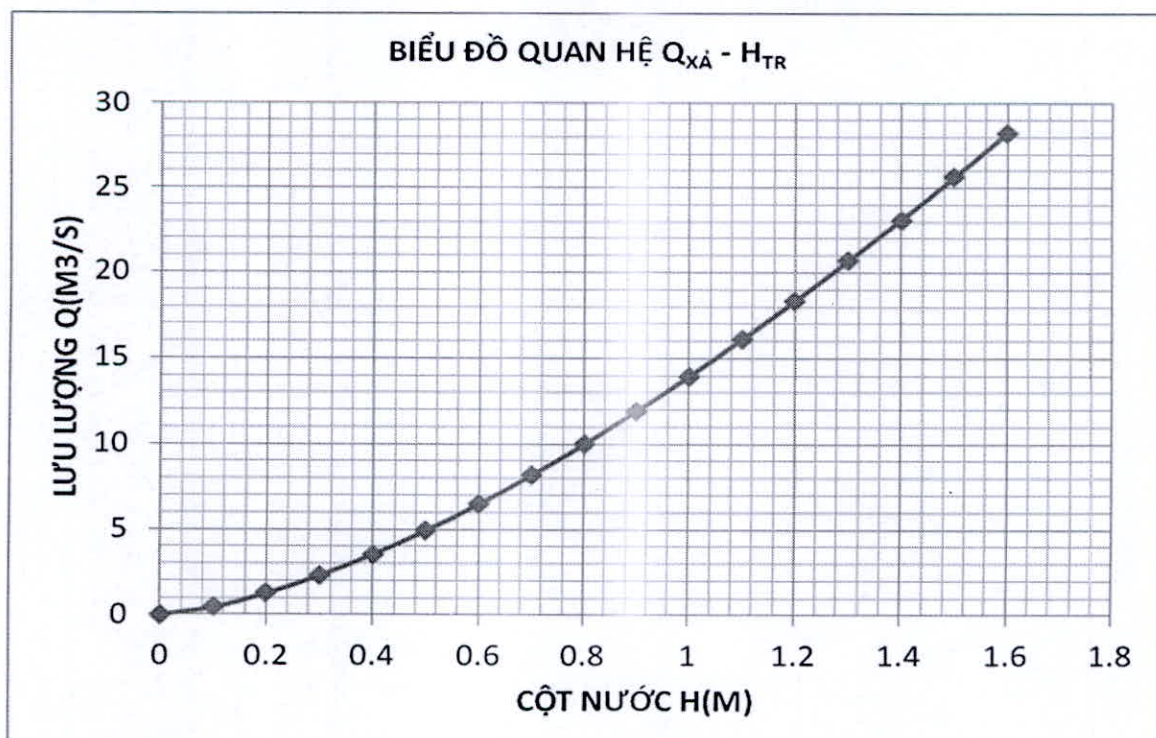




**PHỤ LỤC III-3**  
**BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA TRÀN XẢ LỬ**

STT	Q (m <sup>3</sup> /s)	Ztt (m)	Htt (m)
1	0.00	583.5	0.0
2	0.44	583.6	0.1
3	1.25	583.7	0.2
4	2.29	583.8	0.3
5	3.53	583.9	0.4
6	4.93	584.0	0.5
7	6.48	584.1	0.6
8	8.17	584.2	0.7
9	9.98	584.3	0.8
10	11.91	584.4	0.9
11	13.95	584.5	1.0
12	16.10	584.6	1.1
13	18.34	584.7	1.2
14	20.68	584.8	1.3
15	23.11	584.9	1.4
16	25.63	585.0	1.5
17	28.24	585.1	1.6

Biểu đồ quan hệ Q xả - Htr Hồ chứa C1:



**PHỤ LỤC III-4**  
**BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG VÀ ĐỘ MỞ CÔNG**  
**LẤY NƯỚC**

<b>QUAN HỆ GIỮA LƯU LƯỢNG VÀ MỨC NƯỚC HỒ THEO ĐỘ MỞ CỦA VAN</b>							
Cao trình(m)	Độ mở e(m) - lưu lượng Q (m <sup>3</sup> /s)						
	e=0,30	e=0,45	e=0,6	e=0,75	e=0,90	e=1,05	e=2,2
583.50	0.410	1.147	1.884	2.621	3.359	4.096	4.915
582.50	0.399	1.116	1.834	2.551	3.269	3.987	4.784
581.50	0.387	1.085	1.782	2.479	3.177	3.874	4.649
580.50	0.376	1.052	1.729	2.405	3.082	3.759	4.510
579.50	0.364	1.019	1.674	2.329	2.984	3.639	4.367
578.50	0.352	0.984	1.617	2.250	2.883	3.516	4.219
577.50	0.339	0.949	1.558	2.168	2.778	3.388	4.065
576.50	0.325	0.911	1.497	2.083	2.669	3.255	3.906
575.50	0.312	0.873	1.434	1.994	2.555	3.116	3.740
574.50	0.297	0.832	1.367	1.902	2.437	2.971	3.566
573.50	0.282	0.789	1.297	1.804	2.311	2.819	3.383
572.50	0.266	0.744	1.223	1.701	2.179	2.658	3.189
571.50	0.249	0.696	1.144	1.591	2.039	2.486	2.983
570.50	0.230	0.644	1.059	1.473	1.887	2.302	2.762
569.50	0.210	0.588	0.966	1.345	1.723	2.101	2.521
568.50	0.188	0.526	0.864	1.203	1.541	1.879	2.255
567.50	0.163	0.456	0.749	1.042	1.335	1.627	1.953
566.50	0.133	0.372	0.611	0.850	1.090	1.329	1.595
565.30	0.084	0.235	0.387	0.538	0.689	0.840	1.009

